

HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC TẬP
MÔN: ĐỊA LÍ- KHỐI 12
Tuần 1
TIẾT 1

BÀI 2: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

I. NỘI DUNG CẦN ĐẠT

- Trình bày vị trí địa lí, giới hạn phạm vi lãnh thổ Việt Nam: các điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây của phần đất liền; phạm vi vùng đất, vùng biển, vùng trời và diện tích lãnh thổ.
- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với tự nhiên, kinh tế - xã hội và quốc phòng.

II. NỘI DUNG BÀI HỌC

NỘI DUNG CHÍNH
1. Vị trí địa lí - Nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á. - Hệ tọa độ địa lí: + Vĩ độ: Điểm cực bắc 23023'B (Lũng Cú-Đồng Văn- Hà Giang) Điểm cực nam 8034' B(Đất Mũi-Ngọc Hiển-Cà Mau) + Kinh độ: Điểm cực Tây 102009'Đ (Xín Thầu-Mường Nhé-Điện Biên) Điểm cực Đông 109024'Đ (Vạn Thạch-Vạn Ninh-Khánh Hòa) - Việt Nam vừa gần với lục địa Á – Âu vừa tiếp giáp biển Đông và thông ra TBD rộng lớn. - Nằm trong khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa. - Việt Nam nằm trong múi giờ số7 2. Phạm vi lãnh thổ a.Vùng đất - Diện tích đất liền và các hải đảo 331.212 km2 . - Biên giới dài 4600km: + Phía Bắc giáp Trung Quốc với đường biên giới dài 1400km + Phía Tây giáp Lào 2100km, Campuchia hơn 1100km

+ Phía Đông và Nam giáp biển, bờ biển dài 3260km

- Nước ta có hơn 4000 đảo lớn nhỏ, trong đó có hai quần đảo ngoài xa là Hoàng Sa (Đà Nẵng), Trường Sa (Khánh Hoà).

b. Vùng biển

- Diện tích khoảng 1 triệu km² gồm vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và vùng thềm lục địa.

- Vùng biển Việt Nam tiếp giáp với vùng biển của 8 nước, gồm: Trung Quốc, Philipin, Malaixia, Brunay, Indonexia, Xingapo, Thái Lan, Campuchia.

c. Vùng trời.

Là khoảng không gian không giới hạn về độ cao bao trùm lên phần lãnh thổ nước ta, trên đất liền được xác định bởi các đường biên giới, trên biển là ranh giới ngoài của lãnh hải (tức xác định bởi phía trên của đường biên giới quốc gia trên biển) và không gian trên các đảo.

3. Ý nghĩa của vị trí địa lý.

a. Ý nghĩa về tự nhiên

- Thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

- Đa dạng về động - thực vật, nông sản.

- Nằm trên vành đai sinh khoáng nên có nhiều tài nguyên khoáng sản.

- Có sự phân hoá đa dạng về tự nhiên, phân hoá Bắc – Nam, Đông - Tây, thấp - cao.

Khó khăn: bão, lũ lụt, hạn hán

b. Ý nghĩa kinh tế văn hóa, xã hội và quốc phòng

- Về kinh tế:

+ Có nhiều thuận lợi để phát triển cả về giao thông đường bộ, đường biển, đường không với các nước trên thế giới tạo điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới.

+ Vùng biển rộng lớn, giàu có, phát triển các ngành kinh tế (khai thác, nuôi trồng, đánh bắt hải sản, giao thông biển, du lịch...).

- Về văn hoá - xã hội:

+ Thuận lợi cho nước ta chung sống hoà bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước láng giềng và các nước trong khu vực Đông Nam Á.

- Về chính trị và quốc phòng:

+ Là khu vực quân sự đặc biệt quan trọng của vùng Đông Nam Á.

LUYỆN TẬP

Câu 1: Các nước Đông Nam Á **không** có chung đường biên giới với nước ta trên biển là

A. Phi - lip - pin, Mi - an - ma.

B. Phi - lip - pin, Bru - nây.

C. Đông - ti - mo, Mi - an - ma.

D. Ma - lai - xi - a, Phi - lip - pin.

Câu 2: Việt Nam gắn liền với lục địa và đại dương nào sau đây?

A. Á - Âu và Bắc Băng Dương.

B. Á - Âu và Đại Tây Dương.

C. Á - Âu và Ấn Độ Dương.

D. Á - Âu và Thái Bình Dương.

Câu 3: Hệ tọa độ địa lí trên đất liền nước ta là

A. $23^{\circ}20'N$ - $8^{\circ}30'N$ và $102^{\circ}09'E$ - $109^{\circ}24'E$.

B. $23^{\circ}23'N$ - $8^{\circ}30'N$ và $102^{\circ}09'E$ - $109^{\circ}24'E$.

C. $23^{\circ}23'N$ - $8^{\circ}34'N$ và $102^{\circ}09'E$ - $109^{\circ}24'E$.

D. $23^{\circ}23'N$ - $8^{\circ}34'N$ và $102^{\circ}09'E$ - $109^{\circ}20'E$.

Câu 4: Đường biên giới trên biển và trên đất liền của nước ta dài gấp khó khăn lớn nhất về

A. thu hút đầu tư nước ngoài.

B. bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

C. thiếu nguồn lao động.

D. phát triển nền văn hóa.

Câu 5: Ý nghĩa kinh tế của vị trí địa lý nước ta là

A. tự nhiên phân hóa đa dạng giữa Bắc - Nam, Đông - Tây.

B. nguồn tài nguyên sinh vật và khoáng sản vô cùng giàu có.

C. thuận lợi giao lưu với các nước trong khu vực và thế giới.

D. thuận lợi để xây dựng nền văn hóa tương đồng với khu vực.

Câu 6: Sự đa dạng về bản sắc dân tộc của nước ta là do vị trí

A. có sự gặp gỡ nhiều nền văn minh lớn với văn minh bản địa.

B. diễn ra những hoạt động kinh tế sôi động.

C. nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế lớn.

D. liền kề của hai vành đai sinh khoáng lớn.

Câu 7: Khí hậu nước ta **không** khô hạn như các nước cùng vĩ độ vì

A. nước ta nằm liền kề với 2 vành đai sinh khoáng lớn.

B. ảnh hưởng của biển Đông và các khối khí di chuyển qua biển.

C. nước ta nằm hoàn toàn trong vành đai nhiệt đới Bắc bán cầu.

D. thiên nhiên chịu ảnh hưởng rõ rệt của gió Tín phong.

Câu 8: Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của của thiên nhiên nước ta là

A. Mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

B. Có nền nhiệt độ cao, chan hòa ánh nắng.

C. Khí hậu có một mùa đông lạnh, ít mưa.

D. Chịu ảnh hưởng chế độ gió mùa châu á.

Câu 9: Hình dạng kéo dài và hẹp ngang của lãnh thổ Việt Nam **không** gây ra hạn chế nào sau đây?

A. Hoạt động giao thông vận tải.

B. Bảo vệ an ninh, chủ quyền.

C. Khoáng sản có trữ lượng không lớn.

D. Khí hậu thời tiết diễn biến phức tạp.

Câu 10: Sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Bắc Nam của nước ta chủ yếu do

A. địa hình chủ yếu là đồi núi.

B. nền khí hậu nhiệt đới.

C. lãnh thổ trải dài.

D. tiếp giáp với biển.

III. DẶN DÒ

HS học thuộc nội dung chính của bài

NỘI DUNG HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC TẬP
MÔN: ĐỊA LÍ- KHỐI 12
Tuần 2
TIẾT 2

BÀI 3: THỰC HÀNH VẼ LƯỢC ĐỒ VIỆT NAM

I. NỘI DUNG CẦN ĐẠT

- Biết được cách vẽ lược đồ Việt Nam bằng việc sử dụng hệ thống ô vuông và các điểm, các đường tạo khung. Xác định được vị trí địa lí VN và một số địa danh quan trọng.

II. NỘI DUNG BÀI HỌC

NỘI DUNG CHÍNH

I.CÁC BƯỚC VẼ LƯỢC ĐỒ VIỆT NAM

- Vẽ khung ô vuông: Khung ô vuông gồm 40 ô, đánh số thứ tự theo trật tự: theo hàng ngang từ trái qua phải (từ A đến E) theo hàng dọc từ trên xuống (từ 1 đến 8).
- Xác định các điểm không chế và các đường không chế. Nối lại thành khung không chế hình dáng lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền).
- Vẽ từng đoạn biên giới và bờ biển để hợp lại thành khung lãnh thổ Việt Nam (phần đất liền). Có thể có cách vẽ như sau:
 - + Vẽ đoạn 1: từ điểm cực Tây (xã Sín Thầu, Điện Biên) đến thành phố Lào Cai.
 - + Vẽ đoạn 2: từ thành phố Lào Cai đến Lũng Cú (điểm cực Bắc).
 - + Vẽ đoạn 3: từ Lũng Cú đến Móng Cái (Quảng Ninh)
 - + Vẽ đoạn 4: từ Móng Cái đến phía nam đồng bằng sông Hồng.
 - + Vẽ đoạn 5: từ phía Nam đồng bằng sông Hồng đến phía nam Hoàng Sơn (chú ý hình dáng bờ biển đoạn Hoàng Sơn ăn lan ra biển).
 - + Vẽ đoạn 6: từ Nam Hoàng Sơn đến Nam Trung Bộ (chú ý vị trí của Đà Nẵng ở góc vuông D4).
 - + Vẽ đoạn 7: từ Nam Trung Bộ đến mũi Cà Mau.
 - + Vẽ đoạn 8: từ mũi Cà Mau đến Rạch Giá và từ Rạch Giá đến Hà Tiên.
 - + Vẽ đoạn 9: biên giới giữa đồng bằng Nam Bộ và Cam-pu-chia.
 - + Vẽ đoạn 10: biên giới giữa Tây Nguyên, Quảng Nam với Cam-pu-chia và Lào.
 - + Vẽ đoạn 11: biên giới từ Thừa Thiên Huế tới cực Tây Nghệ An với Lào.
 - + Vẽ đoạn 12: biên giới phía tây của Nghệ An, Thanh Hoá với Lào.

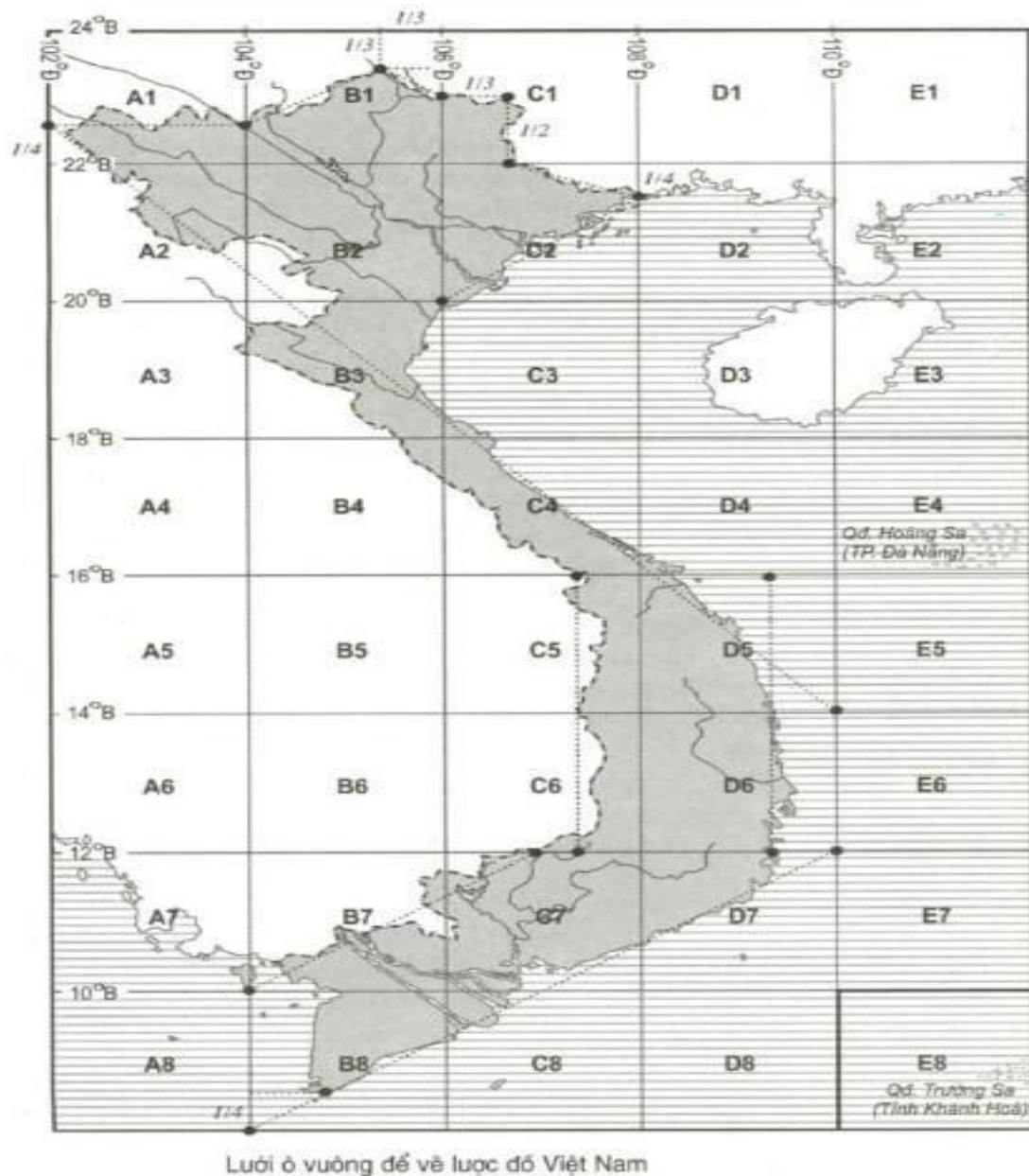
+ Vẽ đoạn 13: phần còn lại của biên giới phía nam Sơn La, tây Điện Biên với Lào.

4. Vẽ các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Các quần đảo này phần lớn là đảo san hô, nên có thể thể hiện kí hiệu đảo san hô một cách tượng trưng.

5. Vẽ các sông chính.

6. Điền lên lược đồ các thành phố, thị xã theo yêu cầu.

II. HÌNH MINH HỌA



III. DẶN DÒ HS THỰC HÀNH VẼ LƯỢC ĐỒ VIỆT NAM VÀO GIẤY